

# Nghiên cứu, đề xuất danh mục chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ<sup>1</sup>

Nguyễn Đình Khuyên<sup>(\*)</sup>, Vũ Hùng Cường<sup>(\*\*)</sup>,  
Trần Thị Luyến<sup>(\*\*\*)</sup>, Trần Thị Thùy Linh<sup>(\*\*\*\*)</sup>, Lương Thùy Dương<sup>(\*\*\*\*\*)</sup>

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh thế giới đang thực hiện Chương trình nghị sự 2030 về sự phát triển bền vững, phát triển bền vững cũng là mục tiêu chiến lược quan trọng mà Việt Nam quyết tâm thực hiện, việc nghiên cứu, đề xuất danh mục chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ có ý nghĩa hết sức quan trọng. Đây là cơ sở để theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ trong mối tương quan với các vùng kinh tế khác và cả nước. Bài viết tập trung đánh giá thực trạng các hệ thống chỉ tiêu thống kê hiện hành dựa trên sự phân tách số liệu của từng chỉ tiêu liên quan tới phát triển bền vững đến cấp vùng, tỉnh/thành phố thuộc vùng; và trên cơ sở các nguyên tắc đã lựa chọn, đề xuất danh mục chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ.

**Từ khóa:** Danh mục chỉ tiêu thống kê, Phát triển bền vững, Chương trình nghị sự 2030, Tây Nam bộ, Việt Nam

**Abstract:** In taking action on national strategic target in alignment with the implementation of the 2030 Agenda for Sustainable Development, a core list of sustainable development indicators for the Southwest region of Vietnam shall make a significant contribution. It is the basis for monitoring and evaluating the sustainable development of the Southwest region in relation to other economic regions and the whole country. The paper focuses on assessing the current system of the statistical indicators based on data disaggregation of each indicator related to sustainable development at regional, provincial/municipal levels; and thereby propose a list of statistical indicators for the Southwest region.

**Keywords:** List of Statistical Indicators, Sustainable Development, Agenda 2030, Southwest, Vietnam

---

<sup>1</sup> Đây là sản phẩm của Đề tài cấp Nhà nước “Xây dựng cơ sở dữ liệu phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ” (Mã số KH-CN-TNB.ĐT/14-19/X16), thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ (Mã số KH-CN-TNB/14-19).

<sup>(\*)</sup> ThS., Tổng cục Thống kê; Email: ndkhuyen@gso.gov.vn

<sup>(\*\*)</sup> PGS.TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;  
Email: vuhungcuong07@gmail.com

<sup>(\*\*\*)</sup> ThS., Tổng cục Thống kê; Email: ttluyen@gso.gov.vn

<sup>(\*\*\*\*)</sup> Tổng cục Thống kê; Email: ttlinh@gso.gov.vn

<sup>(\*\*\*\*\*)</sup> ThS., Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;  
Email: duongjuly@gmail.com

### **Đặt vấn đề**

Tại Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hợp Quốc diễn ra từ ngày 25-27/9/2015 tại New York (Mỹ), lãnh đạo của 193 quốc gia, trong đó có Việt Nam, đã cam kết thực hiện, thông qua Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Chương trình nghị sự 2030 tập trung vào kết hợp và cân bằng ba vấn đề lớn của sự bền vững, đó là những nội dung liên quan đến các vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường. Với 17 mục tiêu chung và 169 mục tiêu cụ thể, Chương trình nghị sự 2030 được xem như là định hướng mang tính toàn cầu và mỗi quốc gia cần phải đặt ra các mục tiêu phù hợp với bối cảnh của từng nước để thực hiện. Đồng thời, các quốc gia cũng phải quyết định cách thức thực hiện và lồng ghép những chỉ tiêu phát triển bền vững toàn cầu vào quá trình lập kế hoạch và xây dựng các chiến lược, chính sách của quốc gia. Để giám sát, đánh giá quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững ở cấp độ toàn cầu, Hội đồng Thống kê Liên Hợp Quốc đã ban hành Nghị quyết số 48/101 quy định Khung chỉ tiêu thống kê toàn cầu theo dõi, đánh giá các mục tiêu của Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

Ở cấp độ quốc gia, Việt Nam đã và đang triển khai nhiều hoạt động để thực hiện Chương trình Nghị sự 2030, như: ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững theo Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ với 17 mục tiêu chung và 115 mục tiêu cụ thể căn cứ vào các mục tiêu toàn cầu và điều kiện thực tiễn, khả năng, ưu tiên phát triển trong từng giai đoạn; ban hành *Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam* theo Thông tư số 03/2019/TT-

BKHĐT ngày 22/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư với 158 chỉ tiêu thống kê về phát triển bền vững...

Tây Nam bộ là vùng có vị trí đặc biệt quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng đối với cả nước, đồng thời cũng là một vùng trọng điểm về phát triển kinh tế; có tiềm năng lớn nhất để phát triển nông nghiệp nhiệt đới, sản xuất lương thực, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, có vai trò quyết định bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và tạo ra sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp bền vững... Do đó, thực hiện phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ có quan hệ hữu cơ mật thiết với thực hiện phát triển bền vững của các vùng khác và cả nước.

Để theo dõi, giám sát và đánh giá quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ, cần thiết phải xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê về phát triển bền vững vùng này, trong đó danh mục chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ là bộ phận cốt lõi, quan trọng nhất; là nền tảng ban đầu hình thành cơ sở dữ liệu tổng hợp về phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ với các dữ liệu quá khứ, hiện tại và có khả năng cập nhật liên tục theo thời gian. Đây là cơ sở cho việc xây dựng chiến lược, hoạch định chính sách, quy hoạch và hỗ trợ ra quyết định ở tầm vĩ mô cũng như các tình huống cụ thể tại vùng Tây Nam bộ.

### **1. Tổng quan thực trạng các chỉ tiêu thống kê có liên quan đến phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ**

Phát triển bền vững là phương thức phát triển tập trung vào kết hợp và cân bằng ba vấn đề lớn của sự bền vững, đó là những nội dung liên quan đến các vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường. Trong phạm vi nghiên cứu, nhóm tác giả tập

trung rà soát các chỉ tiêu tại vùng Tây Nam bộ liên quan đến phát triển bền vững vùng này trong *Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam* và *Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh* (ban hành theo Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ) và các hệ thống chỉ tiêu thống kê khác có liên quan.

Kết quả rà soát cho thấy:

a) *Đối với Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam*: Có 104/158 chỉ tiêu phân tổ đến cấp vùng hoặc tỉnh/thành phố, trong đó:

- 57 chỉ tiêu có tính khả thi và so sánh giữa các vùng trong cả nước.

- 47 chỉ tiêu không khả thi khi áp dụng cho cấp vùng, tỉnh/thành phố vì: Chỉ tiêu hiện tại chưa được lồng ghép, tính toán và

tổng hợp số liệu từ các nguồn hiện tại như các cuộc điều tra thống kê hiện hành, chế độ báo cáo thống kê hiện hành, do đó sẽ không thể có số liệu của chỉ tiêu đến năm 2020; Lộ trình thực hiện của chỉ tiêu là lộ trình B - bắt đầu được thực hiện từ năm 2025; Kỳ công bố của chỉ tiêu là 5 năm hoặc 10 năm mà hiện tại chỉ tiêu đó chưa có số liệu.

b) *Đối với Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh*: Những thông tin cơ bản về tình hình kinh tế - xã hội tại tỉnh/thành phố được thể hiện, phản ánh qua các chỉ tiêu về đất đai, dân số, lực lượng lao động... Có 15 chỉ tiêu phản ánh những thông tin cơ bản này, trong đó 13/15 chỉ tiêu này đã có số liệu cơ sở ở cả ba cấp: cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh và 02/15 chỉ tiêu đang có số liệu cơ sở ở 2/3 cấp, cụ thể ở bảng dưới đây:

Stt	Nhóm/Tên chỉ tiêu	Mã số cấp tỉnh	Số liệu		
			Cả nước	Vùng	Tỉnh
1	Diện tích	T0101	1	1	1
2	Cơ cấu đất	T0101	1	1	1
3	Dân số	T0102	1	1	1
4	Mật độ dân số	T0102	1	1	1
5	Tỷ suất sinh thô	T0104	1	1	1
6	Tổng tỷ suất sinh	T0105	1	1	1
7	Tỷ suất chết thô	T0106	1	1	1
8	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	T0107	1	1	1
9	Tỷ lệ tăng dân số chung	T0107	1	1	1
10	Tỷ suất nhập cư	T0108	1	1	1
11	Tỷ suất xuất cư	T0108	1	1	1
12	Tỷ suất di cư thuần	T0108	1	1	1
13	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	T0109	1	1	0
14	Lực lượng lao động	T0201	1	1	1
15	Số lao động có việc làm trên địa bàn	T0202	1	0	1

c) Các hệ thống chỉ tiêu thống kê khác có liên quan

Căn cứ vào các hệ thống chỉ tiêu thống kê hiện hành và thực trạng phát triển kinh tế,

xã hội và môi trường tại vùng Tây Nam bộ, nhóm nghiên cứu xác định được 34 chỉ tiêu phản ánh có liên quan đến phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ, cụ thể trong bảng sau:

Stt	Nhóm/Tên chỉ tiêu	Kỳ	Cơ quan	Số liệu		
				Cả nước	Vùng	Tỉnh
1	Tỷ lệ hộ nghèo	2 năm	Tổng cục Thống kê	1	1	1
2	Chỉ số giá sinh hoạt theo không gian	Năm	Tổng cục Thống kê	0	1	1
3	Chỉ tiêu cho đời sống bình quân đầu người/tháng theo giá hiện hành	2 năm	Tổng cục Thống kê	1	1	1
4	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	2 năm	Tổng cục Thống kê	1	1	1
5	Hệ số Gini	2 năm	Tổng cục Thống kê	1	1	0
6	Tỷ lệ hộ tự đánh giá cuộc sống của gia đình so với 5 năm trước giảm sút hoặc như cũ	2 năm	Tổng cục Thống kê	1	1	0
7	Tỷ lệ phụ nữ từ 15-49 tuổi có chồng đang sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại	Năm	Tổng cục Thống kê	1	1	1
8	Số cơ sở khám chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	Năm	- Chủ trì: Sở Y tế - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	1	1	1
9	Tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp trung học phổ thông	Năm	- Chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	1	1	0
10	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông	Năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	1	1	1
11	Tỷ lệ học sinh chuyển cấp từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông	Năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	0	0	0
12	Tỷ lệ trẻ em từ 3-5 tuổi đi học mẫu giáo	Năm	- Chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	0	0	1
13	Cơ cấu hộ chia theo cách xử lý rác thải	2 năm	Tổng cục Thống kê	1	1	0
14	Tỷ lệ xã có hợp tác xã/tổ/đội thu gom rác thải	2 năm	Tổng cục Thống kê	1	1	0
15	Xói mòn đất thực tế		Sở Tài nguyên và Môi trường	0	0	0
16	Tỷ lệ diện tích hạn nặng (chỉ số khô hạn (SPI) <1,5)		Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	0	0	0

Stt	Nhóm/Tên chỉ tiêu	Kỳ	Cơ quan	Số liệu		
				Cả nước	Vùng	Tỉnh
17	Tỷ lệ khu công nghiệp xử lý chất thải rắn và nước thải đạt tiêu chuẩn quy định		Sở Tài nguyên và Môi trường	1	1	0
18	Tỷ lệ hộ sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	2 năm	Tổng cục Thống kê	1	1	1
19	Tỷ lệ hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh	2 năm	Tổng cục Thống kê	1	1	1
20	Cơ cấu hộ có nhà ở chia theo loại nhà (kiên cố/bán kiên cố/nhà tạm và nhà khác)	2 năm	Tổng cục Thống kê	1	1	1
21	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến ủy ban nhân dân xã	2 năm	Tổng cục Thống kê	1	1	0
22	Khoảng cách trung bình từ thôn ấp không có đường ô tô đến đường ô tô gần nhất	2 năm	Tổng cục Thống kê	1	1	0
23	Tỷ lệ thôn ấp trên địa bàn có ngân hàng/chi nhánh ngân hàng	2 năm	Tổng cục Thống kê	1	1	0
24	Lực lượng lao động	Năm	Tổng cục Thống kê	1	1	1
25	Số lao động có việc làm trên địa bàn	Năm	Tổng cục Thống kê	1	1	1
26	Tỷ lệ nữ lao động trong lĩnh vực phi nông nghiệp	Năm	Tổng cục Thống kê	1	1	0
27	Doanh thu du lịch lữ hành	Năm	Tổng cục Thống kê	1	1	1
28	Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản	Năm	Tổng cục Thống kê	1	1	1
29	Số tàu khai thác thủy sản biển có công suất từ 90 CV trở lên	Năm	Tổng cục Thống kê	1	1	1
30	Tổng công suất các tàu khai thác thủy sản biển từ 90 CV trở lên	Năm	Tổng cục Thống kê	1	1	1
31	Sản lượng thủy sản	Năm	Tổng cục Thống kê	1	1	1
32	Sản lượng thủy sản khai thác	Năm	Tổng cục Thống kê	1	1	1
33	Sản lượng cá biển khai thác	Năm	Tổng cục Thống kê	1	1	1
34	Sản lượng thủy sản nuôi trồng	Năm	Tổng cục Thống kê	1	1	1

**2. Nguyên tắc xây dựng, đề xuất danh mục chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ**

*2.1. Nguyên tắc xây dựng, lựa chọn*

Trong hoạt động thống kê, khi xây dựng, đề xuất các hệ thống chỉ tiêu thống kê hiện hành phải tuân thủ các nguyên tắc đặc thù trong hoạt động này như: Chỉ tiêu được lựa

chọn phải khả thi; phản ánh đúng bản chất của sự vật, hiện tượng cần nghiên cứu...

Hiểu theo nghĩa chung nhất, nguyên tắc là những quy định, quy tắc, tiêu chuẩn làm cơ sở để làm việc, xem xét. Theo đó, nguyên tắc xây dựng, lựa chọn chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững là những quy định, quy tắc, tiêu chuẩn cho việc xây dựng,

lựa chọn các chỉ tiêu thống kê về phát triển bền vững. Căn cứ vào thực tiễn thống kê, nhóm tác giả đề xuất việc xây dựng, lựa chọn các chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ cần được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) *Chỉ tiêu được xây dựng, lựa chọn phải phản ánh được tình hình phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ.* Nguyên tắc này đòi hỏi chỉ tiêu được lựa chọn phải phản ánh:

- Những thông tin cơ bản, thông tin nền của vùng Tây Nam bộ về đất đai, dân số, lực lượng lao động. Những thông tin này sẽ giúp nhận diện bức tranh tổng thể về phát triển bền vững của vùng trong mối tương quan với cả nước và các vùng khác.

- Những thông tin về phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ. Theo đó, các chỉ tiêu thống kê được lựa chọn sẽ gồm các chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững Việt Nam có phân tổ vùng hoặc tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương bảo đảm tính khả thi và so sánh giữa các vùng trong cả nước.

- Những thông tin liên quan đến phát triển bền vững Vùng Tây Nam bộ như nghèo đói, bình đẳng xã hội,...

b) *Bảo đảm thống nhất, tương thích và tính so sánh quốc gia giữa các vùng miền nhưng vẫn đáp ứng được các điều kiện thực tiễn cũng như nhu cầu phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ.*

c) *Bảo đảm tính khả thi, thống nhất với các hệ thống chỉ tiêu thống kê khác, như: Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững Việt Nam và các hệ thống chỉ tiêu thống kê của bộ, ngành.* Để thực hiện nguyên tắc này, khi đề xuất, lựa chọn chỉ tiêu phải xác định khái niệm, phương pháp tính, hình thức thu thập thông tin, nguồn số liệu của từng chỉ tiêu cụ thể.

d) *Đối với từng chỉ tiêu cụ thể:* việc xác định, lựa chọn từng chỉ tiêu phải bảo đảm theo nguyên tắc SMART do OECD phát triển, cụ thể như sau: S (Simply): Đơn giản (dễ phân tích và dễ sử dụng); M (Measurable): Có thể đo lường được (dễ xác nhận số liệu thống kê, tái sản xuất và thể hiện rõ xu hướng); A (Accessible): Có thể tiếp cận (được giám sát định kỳ, hiệu quả và nhất quán); R (Reference): Tương thích (trực tiếp đáp ứng những vấn đề hoặc những mục đích đã thống nhất); T (Timely): Kịp thời (cung cấp những cảnh báo sớm về các vấn đề tiềm năng).

Ngoài ra, các đặc điểm quan trọng khác cần được cân nhắc khi lựa chọn các chỉ tiêu, đó là: có thể ứng dụng với tất cả các bên liên quan; thích hợp với các khung quốc tế hiện hành; tính toàn cầu; định hướng hành động; rõ ràng, thống nhất về các khái niệm; thích ứng rộng rãi với thông tin hệ thống; được xây dựng từ những nguồn dữ liệu tin cậy; được phân loại; tập trung kết quả nếu có thể; cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp số liệu; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị có liên quan; tính sẵn có về số liệu của từng chỉ tiêu.

2.2. Đề xuất danh mục chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ

a) *Danh mục chỉ tiêu*

Trên cơ sở kết quả rà soát và căn cứ vào nguyên tắc lựa chọn chỉ tiêu phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ, nhóm tác giả đề xuất danh mục chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ gồm 121 chỉ tiêu thống kê, trong đó:

- 15 chỉ tiêu phản ánh những thông tin cơ bản ở cấp tỉnh (theo kết quả rà soát ở trên).

- 57 chỉ tiêu thống kê thuộc *Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững Việt Nam* có phân tổ đến cấp vùng, có tính khả thi và so

sánh giữa các vùng trong cả nước (theo kết quả rà soát ở trên), cụ thể:

+ 40 chỉ tiêu giữ nguyên về tên chỉ tiêu và nội dung chỉ tiêu;

+ 9 chỉ tiêu được thay thế bằng những chỉ tiêu có nội dung tương tự và đã có số liệu cơ sở;

+ 8 chỉ tiêu là những chỉ tiêu ghép, được tách ra thành các chỉ tiêu đơn nhằm bảo đảm nguyên tắc SMART. Ví dụ chỉ tiêu: “Số người đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp” được tách ra thành 03 chỉ tiêu: (i) Số người đóng bảo hiểm xã hội; (ii) Số người đóng bảo hiểm y tế; (iii) Số người đóng bảo hiểm thất nghiệp.

- 34 chỉ tiêu phản ánh có liên quan đến phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ (theo kết quả rà soát ở trên).

*b) Kết cấu danh mục chỉ tiêu*

Tổng số 121 chỉ tiêu, chia thành 11 nhóm gồm:

+ Nhóm 1: Đất đai, dân số (17 chỉ tiêu).

+ Nhóm 2: Nghèo đói, bảo trợ xã hội, mức sống dân cư (18 chỉ tiêu).

+ Nhóm 3: Y tế (13 chỉ tiêu).

+ Nhóm 4: Giáo dục và Đào tạo (13 chỉ tiêu).

+ Nhóm 5: Bình đẳng giới (4 chỉ tiêu).

+ Nhóm 6: Bảo vệ tài nguyên, môi trường (13 chỉ tiêu).

+ Nhóm 7: Tiếp cận nhà ở, điện nước, vệ sinh, truyền thông (10 chỉ tiêu).

+ Nhóm 8: Lao động, việc làm, tăng trưởng kinh tế bền vững (15 chỉ tiêu).

+ Nhóm 9: Giao thông vận tải (4 chỉ tiêu).

+ Nhóm 10: Trật tự, an toàn xã hội, tư pháp và thể chế, quản trị minh bạch (6 chỉ tiêu).

+ Nhóm 11: Nông nghiệp, thủy sản (8 chỉ tiêu).

*c) Thực trạng số liệu của danh mục 121 chỉ tiêu đề xuất*

Số liệu của 121 chỉ tiêu được rà soát, xác định từ các nguồn chính thống sau:

- Niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê.

- Kết quả Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam của Tổng cục Thống kê.

- Kết quả Điều tra lao động và việc làm của Tổng cục Thống kê.

- Báo cáo tình hình kinh tế xã hội hằng năm của Tổng cục Thống kê.

- Báo cáo Lao động phi chính thức năm 2016 của Tổng cục Thống kê.

- Ấn phẩm *Thông tin thống kê giới tại Việt Nam 2016* của Tổng cục Thống kê, năm 2018.

- Niên giám thống kê tỉnh.

- Niên giám thống kê ngành y tế.

- Niên giám thống kê ngành giáo dục.

- Cổng thông tin điện tử Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

- Báo cáo kết quả điều tra Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS).

- Ấn phẩm *Nghèo đa chiều của trẻ em Việt Nam vùng dân tộc thiểu số: Thực trạng, biến động và những thách thức* do Ủy ban Dân tộc và UNICEF phát hành, năm 2015.

Kết quả xác định số liệu của 121 chỉ tiêu phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ cho thấy:

- 101/121 chỉ tiêu đã có số liệu chung cả nước.

- 76/121 chỉ tiêu đã có số liệu cấp vùng.

- 86/121 chỉ tiêu đã có số liệu cấp tỉnh.

- 63/121 chỉ tiêu đã có số liệu cả 3 cấp quốc gia, vùng, tỉnh.

- 17/121 chỉ tiêu chưa có số liệu cả 3 cấp quốc gia, vùng, tỉnh.

- 23/121 chỉ tiêu chưa có số liệu cả 2 cấp vùng và tỉnh.

- 35/121 chỉ tiêu chưa có số liệu cấp tỉnh.

### 3. Kết luận

Theo dõi, giám sát và đánh giá thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ là việc làm quan trọng, cần thiết, trong đó danh mục chỉ tiêu phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ là cốt lõi, không thể thiếu. Đây là cơ sở cho việc xác định cơ quan chịu trách nhiệm thu thập thông tin, nguồn thông tin... Trên cơ sở đánh giá thực trạng các chỉ tiêu phát triển bền vững có liên quan, nhóm nghiên cứu đã lựa chọn, đề xuất danh mục chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ gồm 121 chỉ tiêu. Đây là cơ sở khoa học vững chắc để tiếp tục thực hiện việc thu thập số liệu của các chỉ tiêu để hình thành Cơ sở dữ liệu về phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ □

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2016), *Ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã*, [https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/Quyet-](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/Quyet-dinh-54-2016-QĐ-TTg-He-thong-chi-tieu-thong-ke-cap-tinh-huyen-xa-33493-7.aspx)
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019), *Quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam*, *Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT* ngày 22/01/2019, <https://luatvietnam.vn/dau-tu/thong-tu-03-2019-tt-bkhdt-bo-chi-tieu-thong-ke-phat-trien-ben-vung-cua-viet-nam-1705-55-d1.html>
3. Hội đồng Thống kê Liên Hợp Quốc (2017), *Nghị quyết số 48/101 về Khung chỉ tiêu thống kê toàn cầu theo dõi, đánh giá các mục tiêu của Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững*.
4. Liên Hợp Quốc (2015), *Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững*, New York.
5. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 622/QĐ-TTg về Kế hoạch hành động quốc gia về phát triển bền vững*, ngày 10/5/2017.